



QUỸ ETF SSIAM HNX30
Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
QUỸ ETF SSIAM HNX30

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số HNX30 trong tất cả các giai đoạn. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số HNX30 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến cuối năm 2016, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 0,6% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu năm 2015; thay đổi giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) của Quỹ là 3,6% so với giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của quỹ đầu kỳ báo cáo. Trong khi giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thay đổi là 2,4%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 1,7%.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số HNX30 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty.

Tùy vào từng thời điểm, Quỹ sẽ áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng toàn bộ hoặc một phần rổ cổ phiếu HNX30 để giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.

▪ **Phương pháp đầu tư mô phỏng toàn bộ**

Đối với phương pháp này, Quỹ sẽ đầu tư vào toàn bộ hoặc gần như toàn bộ vào các cổ phiếu nằm trong rổ cổ phiếu HNX30 theo đúng tỷ trọng của các cổ phiếu trong rổ HNX30. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh Danh Mục Đầu Tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

▪ **Phương pháp đầu tư mô phỏng một phần**

Trong trường hợp các Người Điều Hành Quỹ nhận định phương pháp đầu tư mô phỏng toàn bộ nêu trên không phải là phương pháp đầu tư hiệu quả nhất để đạt được tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số hoặc do các biến động trong các kỳ xem xét Chỉ Số Tham Chiếu thường lệ hoặc các đợt xem xét bất thường, phương pháp đầu tư mô phỏng một phần có thể được sử dụng.

Trong phương pháp này, Quỹ sẽ đầu tư vào một số lượng nhất định các cổ phiếu trong rổ HNX30, hoặc tỷ trọng từng mã sẽ có thay đổi so với tỷ trọng từng mã trong Chỉ Số Tham Chiếu, và có thể đầu tư vào một số cổ phiếu không nằm trong rổ HNX30 nhưng nằm trong danh mục chứng khoán dự phòng của Chỉ Số HNX30.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không giới hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: 10/12/2014

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo (Tại ngày 31/12/2016): Giá trị 78.584.454.267 VNĐ và số lượng 9.800.000 đơn vị CCQ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: chỉ số HNX30 tại thời điểm cuối năm 2016 là 143,54

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ



- o Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - o Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
 - o Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ.
 - Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
 - Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ (tại thời điểm 31/12/2016): Không phân phối

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2016 (%)	31/12/2015 (%)	31/12/2014 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	97,6%	99,3%	99,5%
2. Tài sản khác	2,4%	0,7%	0,5%
Cộng	100,0	100,0	100,0

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2014
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	78.584.454.267	78.143.998.433	87.761.901.393
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	9.800.000	10.100.000	10.100.000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	8.018,82	7.737,02	8.689,29
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	8.815,59	9.450,54	10.000
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	6.840,38	7.411,83	8.177,41
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	10.000	10.000	9.400
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.000	10.000	9.400
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.000	8.600	8.600
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	3,60%	-11%	-13,1%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(Thay đổi do biến động giá)			
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	0	0	0
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	0	0	0
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	-	-	-
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,03%	2,01%	-
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	54,55%	43,65%	-

• **Tốc độ vòng quay danh mục:** Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	3,6%	3,6%
- 3 năm	-19,8%	-7,1%**
- Từ khi thành lập*	-19,8%	-7,1%**
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu (1 năm)	1,7%	1,7%

*Thời điểm được tính là thời điểm kết thúc giai đoạn huy động vốn của Quỹ là ngày 17/11/2014

** Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm là $r = \sqrt[3]{(1+r1)(1+r2)(1+r3)} - 1$

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/12/2016 (%)	31/12/2015 (%)	31/12/2014* (%)	31/12/2013 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 01 đơn vị CCQ (1 năm)	3,6%	-11,0%	-13,1%	Chưa thành lập

*Tính từ thời điểm kết thúc giai đoạn huy động vốn của Quỹ là ngày 17/11/2014

Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.

III. Mô tả thị trường trong kỳ

Năm 2016 khép lại với nhiều biến động vĩ mô trong nước cType equation here. ững như trên toàn thế giới. Tuy nhiên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng (+14,8%), và đóng cửa năm ở mức 664,87 điểm – mức cao nhất kể từ năm 2009. Yếu tố nội lực đến từ tốc độ tăng trưởng kinh tế tốt, ổn định vĩ mô và quan trọng nhất là tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp nội địa đã tiếp tục giúp cho thị trường cổ phiếu có mức sinh lời cao trong năm.

HNX30 có mức tăng trưởng +1,7% và thấp hơn so với chỉ số VN30 do các nhóm cổ phiếu chính trong HNX30 có mã SHB với tỷ trọng lớn nhất liên tục sụt giảm suốt thời gian qua mặc dù các cổ phiếu khác đã có sự phục hồi đáng kể so với cuối năm 2015.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)

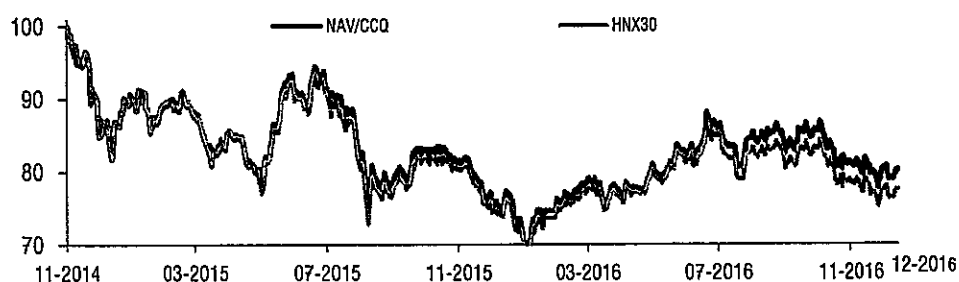
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	3,6%	-19,8%	-19,8%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	3,6%	-19,8%	-19,8%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	3,6%	-7,1%	-7,1%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	2,44%	-21%	-21%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	0%	0%	0%

• Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

• Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

• Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.

• Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



• Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	78.584.454.267	78.143.998.433	0,6%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	8.018,82	7.737,02	3,6%

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân.

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5000	7	5.000	0,05%
Từ 5000 - 10.000	1	5.000	0,05%
Từ 10.000 đến 50.000	0	0	0
Từ 50.000 đến 500.000	1	100.000	1,02%
Trên 500.000	5	9.690.000	98,88%

Tổng cộng	14	9.800.000	100%
------------------	----	-----------	------

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

5. Chi phí ngấm và giảm giá

Công ty Quản lý quỹ SSI cam kết không có chi phí ngấm, giảm giá trong suốt quá trình hoạt động của Quỹ ETF SSIAM HNX30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Triển vọng thị trường năm 2017 được đánh giá tương đối tích cực. Với tốc độ tăng trưởng trong nhóm nhanh nhất khu vực, Việt Nam có thể duy trì được sự ổn định vĩ mô với cán cân thanh toán mạnh, lạm phát được kiểm soát và mặt bằng lãi suất thấp. Đây sẽ tiếp tục là những yếu tố tích cực hỗ trợ cho thị trường chứng khoán trong năm 2017.

Chính phủ đã cho thấy quyết tâm trong việc tăng quy mô và chất lượng hàng hóa trên thị trường chứng khoán bằng việc thúc đẩy nhiều công ty có tỷ lệ sở hữu của nhà nước chi phối niêm yết cổ phiếu. Trong số này đáng chú ý có Tổng CTCP Bia Sài Gòn (HSX, giá trị vốn hóa 5,6 tỷ USD), Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (Upcom, 1,2 tỷ USD), Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (Upcom, 4,5 tỷ USD). Trong năm 2017, những công ty quy mô lớn hoạt động hiệu quả như Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam (VEAM) hay Ô Tô Trường Hải (THACO)... sẽ tiếp tục được niêm yết trên SGDCK, góp phần tăng nhanh quy mô và thanh khoản của thị trường chứng khoán. Áp lực cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp có sở hữu của nhà nước cũng sẽ giúp cho các doanh nghiệp cải thiện quản trị, minh bạch hóa và do đó tăng chất lượng hàng hóa cho thị trường.

VI. Thông tin khác

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Người điều hành Quỹ

Ông Võ Văn Minh - Phó giám đốc Đầu tư

- Gia nhập SSIAM từ giữa năm 2014, Ông Minh hiện là Phó giám đốc Đầu tư của SSIAM. Ông Minh đã có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ, phân tích, đầu tư, bao gồm hơn một (1) năm là Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Hapaco (IFM), Giám Đốc Nghiên Cứu và Phân Tích Đầu Tư, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt, Trưởng Phòng Phân Tích, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS), Chuyên Viên, Phòng Dự Án Tài Chính Nhà Ở Ban Quản Lý Các Dự Án Tín Dụng Quốc Tế, Ngân Hàng Nhà Nước, Chuyên Viên, Phòng Thanh Toán Quốc Tế Ngân Hàng Ngoại Thương, Chi Nhánh Hà Nội.
- Ông Minh hiện là Thành Viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Transimex Sài Gòn.
- Ông Minh có bằng thạc sỹ Chính Sách Công, Đại Học Hitotsubashi – Tokyo (Nhật Bản), Cử Nhân Kinh Tế Ngoại Thương – Đại Học Ngoại Thương Hà Nội và Chứng Chỉ Quốc Tế Về Phân Tích Đầu Tư CFA Level 2.

Ông Nguyễn Quốc Bình – Phó giám đốc Đầu Tư

- Gia nhập SSIAM từ năm 2007, ông Bình hiện Phó giám đốc Đầu tư của SSIAM.
- Ông Bình có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư tại SSIAM, tham gia các khoản đầu tư lớn của danh mục Quỹ Tầm Nhìn SSI.
- Ông Bình có bằng thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học kinh tế Budapest – Corvinus.



Ban Đại diện Quý

Bà Trần Thị Thanh Y – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quý

Giám Đốc Hành Chính Và Kế Toán của Regus Center (Vietnam) Limited.

- Bà Trần Thanh Y có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà hiện đang là Giám Đốc Hành Chính Và Kế Toán của Regus Center (Vietnam) Limited. Trước đó Bà là Trưởng Phòng Hành Chính Và Kế Toán của Keppel Land và Kiểm Toán Viên Cao Cấp của Công Ty TNHH KPMG, một chi nhánh của KPMG toàn cầu, công ty chuyên về dịch vụ kiểm toán, thuế và tư vấn tài chính.
- Bà Trần Thanh Y có bằng Cử Nhân Tài Chính Và Ngân Hàng, trường Đại học Kinh tế Quốc, Chứng Chỉ Kiểm Toán Viên (CPA) của Bộ Tài Chính, Chứng Chỉ Kế Toán Trưởng của trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Chứng Chỉ Tài Chính Và Ngân Hàng của ING Bank, Sonny, Cambridge University Press.

Ông Nguyễn Thanh Phương – Thành viên độc lập

Chủ nhiệm khoa tài chính kiêm chủ nhiệm bộ môn kinh doanh chứng khoán, Học viên Ngân hàng.

- Ông Nguyễn Thanh Phương có 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán. Ông hiện là Chủ nhiệm khoa tài chính kiêm chủ nhiệm bộ môn kinh doanh chứng khoán của Học viện Ngân hàng. Trước đó Ông quản lý và giảng dạy tại bộ môn Kinh doanh chứng khoán thuộc Khoa tài chính, Học viện ngân hàng.
- Ông Nguyễn Thanh Phương có bằng Tiến Sĩ và Cao Học chuyên ngành Kinh tế tài chính – ngân hàng của Học viện ngân hàng, và bằng cử nhân ngành Tài chính-ngân hàng của Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Việt Nam.

Ông Nguyễn Khắc Hải – Thành viên

Tổng Giám Đốc – The Pan Group

- Trước khi được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc tại The Pan Group (tháng 11/2016), ông Hải là Phó Tổng Giám Đốc tại SSIAM phụ trách các lĩnh vực phát triển kinh doanh, vận hành, luật và tuân thủ, nhân sự và công nghệ thông tin.
- Ông Hải có trên 14 năm kinh nghiệm tư vấn luật trong ngành công nghệ thông tin và tài chính, bao gồm trên 6 năm làm tư vấn luật cho HIPT và Vietcombank, 8 năm là Giám đốc Luật, Kiểm soát Tuân thủ, và Phó Tổng Giám Đốc của SSIAM.
- Ông Hải có bằng Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh chuyên ngành Luật Kinh Doanh của trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội, và bằng Thạc sỹ Luật tại trường Nagoya University, Nhật Bản.

Ban Điều hành SSIAM

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Tổng Giám Đốc

- Bà Lê Thị Lệ Hằng được bổ nhiệm là Tổng Giám Đốc SSIAM từ năm 2010. Bà có trên 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư (bao gồm hơn 8 năm kinh nghiệm làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ W.P. Stewart tại New York, Hoa Kỳ, và 3 năm là Giám Đốc Khối Phân Tích và Tư Vấn Đầu Tư, Trợ Lý cho Chủ Tịch HĐQT và Giám Đốc Khối Phát Triển Khách Hàng Tổ Chức của Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn).
- Bà Hằng hiện là Phó Chủ Tịch Câu Lạc Bộ Các Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Bà là thành viên HĐQT của một số công ty niêm yết



- Bà là thành viên HĐQT của một số công ty niêm yết
- Bà Hằng có bằng Thạc Sĩ Tài Chính và Cử Nhân Kế Toán của trường American University, Hoa Kỳ.

Ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó Tổng Giám Đốc

- Gia nhập SSIAM từ năm 2007, Ông Tùng hiện là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách lĩnh vực đầu tư của SSIAM. Ông Tùng có trên 15 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính và kiến thức sâu rộng trong lĩnh vực thị trường tiền tệ, phân tích và quản lý rủi ro tín dụng của các khoản vay, nghiên cứu thị trường, phân tích và định giá các công ty. Từ 2007-2011, Ông Tùng là Giám Đốc phụ trách Phân Tích và Giám Đốc Đầu Tư tại SSIAM. Trước đó, Ông Tùng phụ trách Khối Nguồn Vốn và Ngân Hàng Đại Lý và Khối Khách Hàng Doanh Nghiệp tại Ngân Hàng Liên Doanh VinaSiam, và chuyên viên phân tích cao cấp tại Công Ty Quản Lý Quỹ Bảo Việt.
- Ông Tùng hiện là thành viên HĐQT một số công ty niêm yết.
- Ông Tùng có bằng Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Chicago trường kinh doanh Booth, Hoa Kỳ.

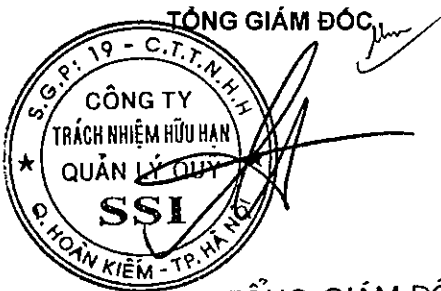
Ông Nguyễn Phan Dũng - Phó Tổng Giám Đốc

- Gia nhập SSIAM từ năm 2007, ông Dũng hiện là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách mảng tư vấn đầu tư của SSIAM. Ông Dũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích với các định chế tài chính như Chicaco Board of Trade, National Securities Corporation và Ngân hàng ABN AMRO ở Chicago, Hoa Kỳ.
- Ông Dũng là thành viên HĐQT của một số công ty niêm yết.
- Ông có bằng Cử nhân Kinh tế của trường Knox College, và MBA của trường Loyola University, Chicago, Hoa Kỳ, nơi ông là thành viên của chương trình Beta Gamma Sigma và cũng là thành viên của Hiệp hội Quản lý Rủi ro Quốc tế.

Bà Tô Thùy Linh – Phó Tổng Giám Đốc

- Gia nhập SSIAM từ năm 2011, Bà Linh hiện là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách các lĩnh vực phát triển kinh doanh, phát triển sản phẩm, vận hành, luật và kiểm soát tuân thủ, nhân sự và công nghệ thông tin của SSIAM. Trước đó, Bà là Giám Đốc phát triển sản phẩm của SSIAM.
- Bà Linh có bằng Thạc Sĩ chuyên ngành Ngân hàng của trường New South Wales University và Cử Nhân chuyên ngành Tài chính và Kế toán của trường Sydney University, Úc. Bà là thành viên của chương trình Beta Gamma Sigma, Hoa Kỳ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF SSIAM HNX30 ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ ETF SSIAM HNX30 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà Nội, Ngày 27 tháng 03 năm 2017



Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang
Phụ trách Bộ phận Giám sát



QUỸ ETF SSIAM HNX30

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thông tin chung

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng

Số 84/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 10 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

Số 17/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2014

Quyết định niêm yết Chứng chỉ Quỹ

Số 697/QĐ/SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2014

Ban Đại diện Quỹ

Bà Trần Thị Thanh Y	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
Tầng 5, Số 1C Ngô Quyền
Phường Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Tổng Giám đốc
Bà Tô Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



QUỸ ETF SSIAM HNX30

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF SSIAM HNX30 (“Quỹ”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình thu nhập, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cho rằng Quỹ sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

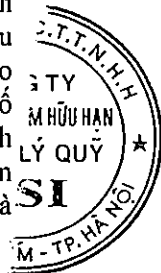
Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
SSI**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF SSLIAM HNX30

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF SSLIAM HNX30 (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI, là công ty quản lý của Quỹ, phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ ETF SSIAM HNX30 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình thu nhập và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

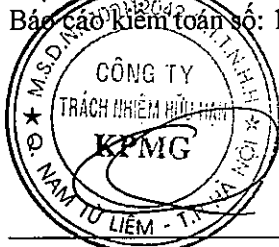
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-143/2



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Phạm Huy Cường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2675-2014-007-1

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

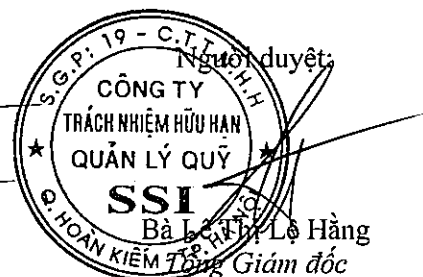
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 VND
I THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		4.571.784.315	(21.169.591.238)
1.1 Cổ tức được chia	02	11	2.736.637.251	3.420.717.162
1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	04	12	(7.071.019.480)	(4.603.369.842)
1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	13	8.906.166.544	(19.986.938.558)
II CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		126.542.082	81.058.725
2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	11		126.542.082	81.058.725
III CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF	20	14	1.503.386.729	1.644.644.330
3.1 Phí quản lý Quỹ ETF	20.1		400.600.407	457.339.155
3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	20.2		222.609.954	186.953.277
3.3 Phí dịch vụ giám sát	20.3		277.200.000	300.300.000
3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	20.4		246.950.000	264.550.000
3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5		76.000.000	69.725.807
3.7 Chi phí họp, Đại hội Quỹ ETF	20.7		-	8.866.160
3.8 Chi phí kiểm toán	20.8		61.500.000	55.000.000
3.11 Chi phí hoạt động khác	20.11		218.526.368	301.909.931
IV KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23=01-10-20)	23		2.941.855.504	(22.895.294.293)
VI TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30=23)	30		2.941.855.504	(22.895.294.293)
6.1 Lãi đã thực hiện	31		(5.964.311.040)	(2.908.355.735)
6.2 Lợi nhuận/(lãi) chưa thực hiện	32		8.906.166.544	(19.986.938.558)
VIII LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (41=30)	41		2.941.855.504	(22.895.294.293)

Người lập:


 Bà Mai Huyền Ngọc
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:


 Ông Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Báo cáo tình hình tài chính
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B02 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

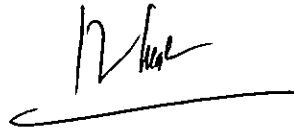
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
I TÀI SẢN	100			
1 Tiền gửi ngân hàng	110	5	917.580.548	627.187.644
1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF	111		917.580.548	627.187.644
2 Các khoản đầu tư thuần	120	6	77.824.899.764	77.630.171.600
2.1 Các khoản đầu tư	121		77.824.899.764	77.630.171.600
3 Các khoản phải thu	130		-	49.490.000
3.2 Phải thu và dự thu cổ tức	133		-	49.490.000
TỔNG TÀI SẢN	100		78.742.480.312	78.306.849.244
II NỢ PHẢI TRẢ	300			
1 Chi phí phải trả	316	7	42.500.000	59.500.000
2 Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	319	8	115.526.045	103.350.811
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300		158.026.045	162.850.811
III GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF (I-II)	400		78.584.454.267	78.143.998.433
1 Vốn góp của Nhà đầu tư	411	9	98.000.000.000	101.000.000.000
1.1 Vốn góp phát hành	412		112.000.000.000	112.000.000.000
1.2 Vốn góp hoán đổi lại	413		(14.000.000.000)	(11.000.000.000)
2 Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414		537.893.056	39.292.726
3 Lỗ lũy kế	420	10	(19.953.438.789)	(22.895.294.293)
IV GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430	15	8.018,82	7.737,02



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã	Thuyết	31/12/2016	31/12/2015
	số	minh		
VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành (CCQ)	004	16	9.800.000	10.100.000

Người lập:



Bà Mai Huyền Ngọc
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI

QUỸ ETF SSIAM HNX30

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch

chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B03 - ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC

ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
		Phân loại lại
I		
Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (“NAV”) đầu năm/kỳ	78.143.998.433	101.000.000.000
II		
Thay đổi NAV so với đầu năm/kỳ (II = II.1)	2.941.855.504	(22.895.294.293)
<i>Trong đó:</i>		
II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ ETF trong năm/kỳ	2.941.855.504	(22.895.294.293)
III		
Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ ETF (III = III.1 + III.2)	(2.501.399.670)	39.292.726
III.1 Khoản thu từ phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ ETF	-	9.035.108.816
III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ ETF	(2.501.399.670)	(8.995.816.090)
IV		
Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm/kỳ (IV= I+II+III)	78.584.454.267	78.143.998.433

Người lập:

Bà Mai Huyền Ngọc
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:

Ông Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



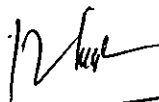
Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Báo cáo danh mục đầu tư
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B04 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2016	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2016	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %	
		VND	VND		
I	Cổ phiếu niêm yết		76.885.618.200	97,64%	
1	ACB	722.260	17.600	12.711.776.000	16,14%
2	SHB	2.245.481	4.600	10.329.212.600	13,12%
3	PVS	588.000	16.400	9.643.200.000	12,25%
4	NTP	68.840	77.500	5.335.100.000	6,78%
5	DBC	117.560	37.000	4.349.720.000	5,52%
6	HUT	362.592	11.300	4.097.289.600	5,20%
7	VCG	284.200	13.500	3.836.700.000	4,87%
8	VCS	29.388	128.400	3.773.419.200	4,79%
9	VND	264.600	13.100	3.466.260.000	4,40%
10	DGC	49.000	41.500	2.033.500.000	2,58%
11	CEO	156.850	12.500	1.960.625.000	2,49%
12	VC3	48.840	34.700	1.694.748.000	2,15%
13	PLC	48.975	27.600	1.351.710.000	1,72%
14	BCC	88.190	15.000	1.322.850.000	1,68%
15	BVS	78.400	16.400	1.285.760.000	1,63%
16	PVI	49.000	25.000	1.225.000.000	1,56%
17	LAS	88.160	13.000	1.146.080.000	1,46%
18	TVC	88.200	12.600	1.111.320.000	1,41%
19	PGS	68.526	15.900	1.089.563.400	1,38%
20	DST	30.900	34.900	1.078.410.000	1,37%
21	SHS	235.200	4.600	1.081.920.000	1,37%
22	KLF	382.156	2.400	917.174.400	1,16%
23	VTV	39.200	19.700	772.240.000	0,98%
24	NDN	88.200	8.200	723.240.000	0,92%
25	PVC	68.600	8.000	548.800.000	0,70%
II	Các loại chứng khoán khác		939.281.564	1,19%	
1	Quyền mua cổ phiếu DST	37.722		939.281.564	1,19%
VI	Tiền		917.580.548	1,17%	
1	Tiền gửi ngân hàng		917.580.548	1,17%	
VII	Tổng giá trị danh mục		78.742.480.312	100,00%	

Người lập:

 Bà Mai Huyền Ngọc
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:

 Ông Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Bà Lê Thị Lệ Hằng
 Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2017

	Mã số	2016 VND	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Thu nhập/(lỗ) trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	2.941.855.504	(22.895.294.293)
Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02	(8.548.241.330)	21.810.529.340
(Lãi)/lỗ chưa thực hiện		(8.906.166.544)	19.986.938.558
Lỗ do việc mua lại Chứng chỉ Quỹ		374.925.214	1.718.090.782
Lỗ giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ		-	46.000.000
Chi phí trích trước	04	(17.000.0000)	59.500.000
Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05	(5.606.385.826)	(1.084.764.953)
Giảm các khoản đầu tư		5.897.123.166	1.327.629.060
Giảm/(tăng) dự thu tiền lãi các khoản đầu tư	07	49.490.000	(49.490.000)
Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	17	12.175.234	103.350.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19	352.402.574	296.724.918
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	21	-	362.908.816
Tiền chi giao dịch hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ	22	(62.009.670)	(32.446.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	(62.009.670)	330.462.726
Tăng tiền thuần trong năm/kỳ	40	290.392.904	627.187.644

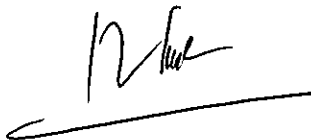


Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B05 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

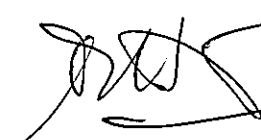
	Mã số	2016 VND	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ (Thuyết minh 5)	50	627.187.644	-
Tiền gửi ngân hàng đầu năm/kỳ:	51	627.187.644	-
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52	627.187.644	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (Thuyết minh 5)	55	917.580.548	627.187.644
Tiền gửi ngân hàng cuối năm/kỳ:	56	917.580.548	627.187.644
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57	917.580.548	627.187.644
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm/kỳ	60	290.392.904	627.187.644

Người lập:



Bà Mai Huyền Ngọc
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Ông Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Lê Thị Lệ Hằng
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

(a) Cơ sở thành lập

Quỹ ETF SSIAM HNX30 (“Quỹ”) được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 17/GCN-UBCK ngày 10 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ SSIAM HNX30 được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam, do Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (“SSIAM”) quản lý và Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) giám sát.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ ETF là 101 tỷ Đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 10.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và mua lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi phí mua lại (nếu có).

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 84/GCN-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2014. Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 697/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 12 năm 2014 do HNX cấp.

Điều lệ hoạt động Quỹ ETF ban hành ngày 14 tháng 10 năm 2014 và sửa đổi, bổ sung hai lần vào ngày 10 tháng 2 năm 2015 và ngày 1 tháng 8 năm 2016.

(b) Đặc điểm chính về hoạt động của Quỹ

Quy mô vốn Quỹ ETF

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập là 101 tỷ VND.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính này dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư theo Thuyết minh 9.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số HNX30 trong tất cả các giai đoạn. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số HNX30 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 229/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục (“Thông tư 229”), cụ thể như sau:

- Quỹ không được đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi một công ty quản lý quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ, không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

Định giá và Giao dịch chứng chỉ quỹ

Định giá

Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá là vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày cuối cùng của tháng và ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo.

Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ được thực hiện một lần/tuần, vào các ngày thứ Tư hàng tuần.

Trong trường hợp ngày giao dịch trùng với ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Nếu ngày làm việc gần nhất sau đó là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về ngày giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Công ty quản lý và Ngân hàng giám sát Quỹ

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác. Do đó, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh 4(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Quỹ là Nhật ký chung.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán mới ban hành

Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 181/2015/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“Thông tư 181”). Thông tư này áp dụng đối với quỹ ETF, quỹ mở, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động của quỹ ETF và quỹ mở. Thông tư 181 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Quỹ đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 181. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Thông tư 181 đến các chính sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ là không trọng yếu.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

(a) Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(ii) Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu niêm yết và chứng khoán phái sinh, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ kế toán.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(d) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

(i) **Trả cổ tức cho nhà đầu tư**

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

(ii) **Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ**

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

(e) **Vốn góp của nhà đầu tư**

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với phí phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi phí mua lại.

Phân phối lợi tức của Quỹ

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn 50 tỷ Đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

(f) Chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong Danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(g) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) **Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết**

Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết xác định và được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

(h) **Chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

(i) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

(j) **Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư 181 được trình bày ở các thuyết minh tương ứng trong báo cáo tài chính này.

(k) **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư quy định trong các mẫu báo cáo của Thông tư 181 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Tiền gửi ngân hàng

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	917.580.548	627.187.644

Khoản tiền gửi không kỳ hạn của Quỹ tại Ngân hàng Standard Chartered, ngân hàng giám sát.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư thuần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (*) VND	Giá trị trường tại ngày 31/12/2016		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			[1]	[2]	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
1	Cổ phiếu						
	ACB	10.892.311.673	12.711.776.000	1.819.464.327	-	12.711.776.000	
	PVS	16.705.817.875	9.643.200.000	-	7.062.617.875	9.643.200.000	
	VCG	3.853.213.695	3.836.700.000	-	16.513.695	3.836.700.000	
	PVC	2.036.031.912	548.800.000	-	1.487.231.912	548.800.000	
	PGS	1.808.827.159	1.089.563.400	-	719.263.759	1.089.563.400	
	BVS	1.201.395.243	1.285.760.000	84.364.757	-	1.285.760.000	
	VND	3.591.381.898	3.466.260.000	-	125.121.898	3.466.260.000	
	NTP	3.659.824.187	5.335.100.000	1.675.275.813	-	5.335.100.000	
	DBC	3.101.725.746	4.349.720.000	1.247.994.254	-	4.349.720.000	
	LAS	1.835.238.081	1.146.080.000	-	689.158.081	1.146.080.000	
	BCC	1.161.413.159	1.322.850.000	161.436.841	-	1.322.850.000	
	HUT	4.108.692.794	4.097.289.600	-	11.403.194	4.097.289.600	
	PLC	1.449.395.758	1.351.710.000	-	97.685.758	1.351.710.000	
	KLF	2.976.663.771	917.174.400	-	2.059.489.371	917.174.400	
	SHS	1.718.406.568	1.081.920.000	-	636.486.568	1.081.920.000	
	SHB	14.563.393.477	10.329.212.600	-	4.234.180.877	10.329.212.600	
	CEO	1.794.697.994	1.960.625.000	165.927.006	-	1.960.625.000	
	NDN	1.022.562.889	723.240.000	-	299.322.889	723.240.000	
	VC3	1.564.775.875	1.694.748.000	129.972.125	-	1.694.748.000	
	PVI	1.252.392.024	1.225.000.000	-	27.392.024	1.225.000.000	
	VCS	3.825.280.000	3.773.419.200	-	51.860.800	3.773.419.200	
	TVC	1.058.400.000	1.111.320.000	52.920.000	-	1.111.320.000	
	DST	837.390.000	1.078.410.000	241.020.000	-	1.078.410.000	
	VTV	781.180.000	772.240.000	-	8.940.000	772.240.000	
	DGC	2.105.260.000	2.033.500.000	-	71.760.000	2.033.500.000	

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
 QUỸ ETF SSIAM HNX30

Mẫu số B06 - ETF
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (*) VND	Giá trị trường tại ngày 31/12/2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
		[1]	[2]	[3]=[2]-[1]	[4]=[1]-[2]	[5]=[1]+[3]-[4]
2	Các loại chứng khoán khác					
	Quyền mua cổ phiếu DST	-	939.281.564	939.281.564	-	939.281.564
		88.905.671.778	77.824.899.764	6.517.656.687	17.598.428.701	77.824.899.764

(*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và giá vốn của cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (*) VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2015 VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
		[1]	[2]	[3]=[2]-[1]	[4]=[1]-[2]	[5]=[1]+[3]-[4]
1	Cổ phiếu					
	ACB	10.452.059.791	12.798.720.000	2.346.660.209	-	12.798.720.000
	SHB	15.534.545.045	12.735.625.500	-	2.798.919.545	12.735.625.500
	PVS	19.841.037.674	10.120.200.000	-	9.720.837.674	10.120.200.000
	VCG	4.124.423.063	3.538.030.000	-	586.393.063	3.538.030.000
	DBC	3.737.917.647	3.453.190.000	-	284.727.647	3.453.190.000
	SCR	3.446.104.703	3.426.216.600	-	19.888.103	3.426.216.600
	VND	3.935.949.996	3.421.880.000	-	514.069.996	3.421.880.000
	NTP	2.432.427.441	3.037.090.000	604.662.559	-	3.037.090.000
	KLS	4.763.582.689	2.933.040.000	-	1.830.542.689	2.933.040.000
	HUT	2.923.837.819	2.624.899.600	-	298.938.219	2.624.899.600
	LAS	2.278.277.859	2.191.700.000	-	86.577.859	2.191.700.000
	KLF	4.981.226.366	2.132.926.400	-	2.848.299.966	2.132.926.400
	PLC	1.526.549.225	1.822.147.500	295.598.275	-	1.822.147.500
	SHS	2.727.113.062	1.769.520.000	-	957.593.062	1.769.520.000
	CEO	1.374.927.428	1.733.160.000	358.232.572	-	1.733.160.000
	PGS	2.130.861.005	1.412.705.000	-	718.156.005	1.412.705.000
	PVC	2.683.345.892	1.292.800.000	-	1.390.545.892	1.292.800.000
	AAA	1.175.045.774	1.180.185.000	5.139.226	-	1.180.185.000
	BVS	1.380.269.120	1.081.710.000	-	298.559.120	1.081.710.000
	BII	844.145.875	1.034.940.000	190.794.125	-	1.034.940.000
	BCC	1.034.726.636	947.380.000	-	87.346.636	947.380.000
	PVB	1.533.097.007	848.400.000	-	684.697.007	848.400.000
	NDN	950.979.273	742.350.000	-	208.629.273	742.350.000
	HMH	967.380.020	698.896.000	-	268.484.020	698.896.000
	SĐT	837.279.748	631.250.000	-	206.029.748	631.250.000

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
 QUỸ ETF SSIAM.HNX30

Mẫu số B06 - ETF
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (*) VND	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2015 VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
2	Các loại chứng khoán khác Quyền mua cổ phiếu NDN	-	21.210.000	21.210.000	-	21.210.000
		97.617.110.158	77.630.171.600	3.822.296.966	23.809.235.524	77.630.171.600

(*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giá vốn của cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

7. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 17 (a))	4.500.000	4.500.000
Phải trả dịch vụ thuê ngoài	38.000.000	55.000.000
	<hr/>	<hr/>
	42.500.000	59.500.000
	<hr/>	<hr/>

8. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 17 (a))	33.126.045	32.900.811
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	21.900.000	10.500.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	23.100.000	23.100.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.900.000	20.350.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
	<hr/>	<hr/>
	115.526.045	103.350.811
	<hr/>	<hr/>

9. **Vốn chủ sở hữu**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 17/GCN-UBCK ngày 10 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Quỹ là 101.000.000.000 VND tương ứng với 10.100.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do quỹ hoạt động theo hình thức quỹ hoán đổi danh mục nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm 2016 như sau:

	Đơn vị	31/12/2015	Phát sinh trong năm	31/12/2016
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	11.200.000	-	11.200.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	9.824,56	-	9.824,56
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	112.000.000.000	-	112.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	(1.964.891.184)	-	(1.964.891.184)
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	110.035.108.816	-	110.035.108.816
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	1.100.000	300.000	1.400.000
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	8.178,01	-	8.212,30
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	11.000.000.000	3.000.000.000	14.000.000.000
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	(2.004.183.910)	(498.600.330)	(2.502.784.240)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	8.995.816.090	2.501.399.670	11.497.215.760
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	10.100.000	(300.000)	9.800.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	101.039.292.726	(2.501.399.670)	98.537.893.056
Lỗ lũy kế (13)	VND	(22.895.294.293)	2.941.855.504	(19.953.438.789)
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	78.143.998.433	440.455.834	78.584.454.267
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	773.702.955		801.882.186
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14) / (11)	VND/CCQ	7.737,02		8.018,82

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn góp cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 10/12/2014	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 31/12/2015
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	10.100.000	1.100.000	11.200.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.000,00	-	9.824,56
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	101.000.000.000	11.000.000.000	112.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	-	(1.964.891.184)	(1.964.891.184)
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	101.000.000.000	9.035.108.816	110.035.108.816
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	-	1.100.000	1.100.000
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	-	8.178,01
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	(2.004.183.910)	(2.004.183.910)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	8.995.816.090	8.995.816.090
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)				
	CCQ	10.100.000	-	10.100.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)				
	VND	101.000.000.000	39.292.726	101.039.292.726
Lỗ lũy kế (13)				
	VND	-	(22.895.294.293)	(22.895.294.293)
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)				
	VND	101.000.000.000	(22.856.001.567)	78.143.998.433
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ				
	VND	1.000.000.000		773.702.955
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)				
	VND/CCQ	10.000,00		7.737,02

10. Lỗ lũy kế

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lỗ lũy kế đầu năm/kỳ	(22.895.294.293)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm/kỳ	2.941.855.504	(22.895.294.293)
Trong đó		
<i>Lỗ đã thực hiện</i>	(5.964.311.040)	(2.908.355.735)
<i>Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện</i>	8.906.166.544	(19.986.938.558)
Lỗ lũy kế cuối năm/kỳ	(19.953.438.789)	(22.895.294.293)

11. Cổ tức được chia

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Cổ tức đã nhận bằng tiền	2.736.637.251	3.371.227.162
Cổ tức phải thu	-	49.490.000
	2.736.637.251	3.420.717.162

12. Lỗ bán các khoản đầu tư

2016	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán
	VND	VND	VND
Lỗ bán các khoản đầu tư			
Cổ phiếu niêm yết	42.058.958.900	48.755.053.166	(6.696.094.266)
Lỗ giao dịch chứng khoán trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ			
Cổ phiếu niêm yết	2.439.390.000	2.814.315.214	(374.925.214)
	44.498.348.900	51.569.368.380	(7.071.019.480)

Giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán
	VND Trình bày lại	VND Trình bày lại	VND Trình bày lại
Lỗ bán các khoản đầu tư			
Cổ phiếu niêm yết	27.452.270.000	30.291.549.060	(2.839.279.060)
Lỗ giao dịch chứng khoán trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ			
Cổ phiếu niêm yết	8.963.370.000	10.681.460.782	(1.718.090.782)
Lỗ giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ			
Cổ phiếu niêm yết	541.900.000	587.900.000	(46.000.000)
	36.957.540.000	41.560.909.842	(4.603.369.842)

13. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	88.905.671.778	76.885.618.200	(12.020.053.578)	(20.008.148.558)	7.988.094.980
Quyền mua cổ phiếu	-	939.281.564	939.281.564	21.210.000	918.071.564
	88.905.671.778	77.824.899.764	(11.080.772.014)	(19.986.938.558)	8.906.166.544

Giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	97.617.110.158	77.608.961.600	(20.008.148.558)	-	(20.008.148.558)
Quyền mua cổ phiếu	-	21.210.000	21.210.000	-	21.210.000
	97.617.110.158	77.630.171.600	(19.986.938.558)	-	(19.986.938.558)

14. Chi phí hoạt động Quỹ ETF

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ ETF (Thuyết minh 17 (a)) (i)	400.600.407	457.339.155
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF (ii)	222.609.954	186.953.277
Phí dịch vụ giám sát (Thuyết minh 17 (b)) (iii)	277.200.000	300.300.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF (Thuyết minh 17 (b)) (iv)	246.950.000	264.550.000
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng (v)	76.000.000	69.725.807
Chi phí họp, Đại hội Quỹ ETF	-	8.866.160
Chi phí kiểm toán	61.500.000	55.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 17 (a))	180.000.000	165.000.000
Chi phí hoạt động khác	38.526.368	136.909.931
	1.503.386.729	1.644.644.330

- (i) Phí quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF SSLAM HNX30. Phí quản lý Quỹ ETF SSLAM HNX30 là 0,5% NAV/năm, tối thiểu hàng tháng là 30.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (“VAT”)). Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (ii) Phí dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán. Phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát được tính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016 là 0,03% NAV/năm, số phí lưu ký tối thiểu hàng tháng là 10.500.000 VND (chưa bao gồm VAT). Phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát được tính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 0,04%, số phí lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (iii) Phí dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Phí giám sát được tính là 0,05% NAV/năm. Số phí giám sát tối thiểu hàng tháng là 21.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (iv) Phí dịch vụ quản trị Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ quản trị cho Quỹ. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng tuần) được xác định là 0,04% NAV/năm. Số phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng áp dụng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 18.500.000 VND và 19.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (v) Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyên nhượng cho Quỹ. Phí đại lý chuyên nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Phí chuyên nhượng còn bao gồm cả phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

15. Giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng tại các ngày định giá trong năm 2016 như sau:

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	78.143.998.433	10.100.000	7.737,02	76,88
1	Ngày 4 tháng 1	77.480.654.741	10.100.000	7.671,35	(65,67)
2	Ngày 5 tháng 1	76.465.713.358	10.100.000	7.570,86	(100,49)
3	Ngày 6 tháng 1	76.777.900.110	10.100.000	7.601,77	30,91
4	Ngày 7 tháng 1	74.599.268.329	10.100.000	7.386,06	(215,71)
5	Ngày 8 tháng 1	73.769.731.978	10.100.000	7.303,93	(82,13)
6	Ngày 11 tháng 1	73.346.532.047	10.100.000	7.262,03	(41,90)
7	Ngày 12 tháng 1	74.336.826.150	10.100.000	7.360,08	98,05
8	Ngày 13 tháng 1	74.209.560.290	10.100.000	7.347,48	(12,60)
9	Ngày 14 tháng 1	73.150.850.994	10.100.000	7.242,65	(104,83)
10	Ngày 15 tháng 1	72.305.774.340	10.100.000	7.158,98	(83,67)
11	Ngày 18 tháng 1	69.714.748.425	10.100.000	6.902,45	(256,53)
12	Ngày 19 tháng 1	70.867.039.728	10.100.000	7.016,53	114,08
13	Ngày 20 tháng 1	70.318.580.960	10.100.000	6.962,23	(54,30)
14	Ngày 21 tháng 1	69.087.909.888	10.100.000	6.840,38	(121,85)
15	Ngày 22 tháng 1	70.704.084.014	10.100.000	7.000,40	160,02
16	Ngày 25 tháng 1	74.253.967.693	10.100.000	7.351,87	351,47
17	Ngày 26 tháng 1	73.169.687.638	10.100.000	7.244,52	(107,35)
18	Ngày 27 tháng 1	74.428.861.582	10.100.000	7.369,19	124,67
19	Ngày 28 tháng 1	74.482.192.600	10.100.000	7.374,47	5,28
20	Ngày 29 tháng 1	75.524.232.682	10.100.000	7.477,64	103,17
21	Ngày 31 tháng 1	75.516.447.987	10.100.000	7.476,87	(0,77)
22	Ngày 1 tháng 2	74.855.080.781	10.100.000	7.411,39	(65,48)
23	Ngày 2 tháng 2	74.173.394.843	10.100.000	7.343,90	(67,49)
24	Ngày 3 tháng 2	73.887.832.050	10.100.000	7.315,62	(28,28)
25	Ngày 4 tháng 2	74.896.584.828	10.100.000	7.415,50	99,88
26	Ngày 5 tháng 2	75.416.678.587	10.100.000	7.466,99	51,49
27	Ngày 9 tháng 2	75.400.435.625	10.100.000	7.465,38	(1,61)
28	Ngày 11 tháng 2	75.392.314.144	10.100.000	7.464,58	(0,80)
29	Ngày 15 tháng 2	75.421.208.429	10.100.000	7.467,44	2,86
30	Ngày 16 tháng 2	77.120.208.976	10.100.000	7.635,66	168,22
31	Ngày 17 tháng 2	76.168.065.331	10.100.000	7.541,39	(94,27)
32	Ngày 18 tháng 2	76.875.718.419	10.100.000	7.611,45	70,06
33	Ngày 19 tháng 2	76.295.515.232	10.100.000	7.554,01	(57,44)
34	Ngày 22 tháng 2	77.142.556.422	10.100.000	7.637,87	83,86
35	Ngày 23 tháng 2	76.900.533.669	10.100.000	7.613,91	(23,96)
36	Ngày 24 tháng 2	77.967.020.791	10.100.000	7.719,50	105,59
37	Ngày 25 tháng 2	77.300.265.178	10.100.000	7.653,49	(66,01)
38	Ngày 26 tháng 2	77.789.651.090	10.100.000	7.701,94	48,45
39	Ngày 29 tháng 2	77.169.035.637	10.100.000	7.640,49	(61,45)
40	Ngày 1 tháng 3	77.518.421.872	10.100.000	7.675,09	34,60
41	Ngày 2 tháng 3	77.549.681.880	10.100.000	7.678,18	3,09
42	Ngày 3 tháng 3	77.575.312.448	10.100.000	7.680,72	2,54
43	Ngày 4 tháng 3	78.100.965.875	10.100.000	7.732,76	52,04
44	Ngày 7 tháng 3	78.491.904.003	10.100.000	7.771,47	38,71

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
45	Ngày 8 tháng 3	77.887.629.923	10.100.000	7.711,64	(59,83)
46	Ngày 9 tháng 3	78.148.711.995	10.100.000	7.737,49	25,85
47	Ngày 10 tháng 3	78.950.813.371	10.100.000	7.816,91	79,42
48	Ngày 11 tháng 3	79.109.471.320	10.100.000	7.832,62	15,71
49	Ngày 14 tháng 3	79.227.637.054	10.100.000	7.844,32	11,70
50	Ngày 15 tháng 3	78.706.737.532	10.100.000	7.792,74	(51,58)
51	Ngày 16 tháng 3	79.079.444.889	10.100.000	7.829,64	36,90
52	Ngày 17 tháng 3	79.857.052.225	10.100.000	7.906,63	76,99
53	Ngày 18 tháng 3	79.900.816.563	10.100.000	7.910,97	4,34
56	Ngày 21 tháng 3	79.284.376.311	10.100.000	7.849,93	(61,04)
57	Ngày 22 tháng 3	79.491.554.140	10.100.000	7.870,45	20,52
58	Ngày 23 tháng 3	79.934.812.614	10.100.000	7.914,33	43,88
59	Ngày 24 tháng 3	79.308.081.849	10.100.000	7.852,28	(62,05)
60	Ngày 25 tháng 3	78.477.308.835	10.100.000	7.770,03	(82,25)
63	Ngày 28 tháng 3	79.258.429.846	10.100.000	7.847,36	77,33
64	Ngày 29 tháng 3	77.861.280.247	10.100.000	7.709,03	(138,33)
65	Ngày 30 tháng 3	77.782.865.118	10.100.000	7.701,27	(7,76)
66	Ngày 31 tháng 3	76.758.011.900	10.100.000	7.599,80	(101,47)
67	Ngày 1 tháng 4	75.983.107.357	10.100.000	7.523,07	(76,73)
68	Ngày 4 tháng 4	76.313.608.194	10.100.000	7.555,80	32,73
69	Ngày 5 tháng 4	76.865.926.038	10.100.000	7.610,48	54,68
70	Ngày 6 tháng 4	77.403.656.838	10.100.000	7.663,72	53,24
71	Ngày 7 tháng 4	77.658.344.257	10.100.000	7.688,94	25,22
72	Ngày 8 tháng 4	78.598.213.337	10.100.000	7.782,00	93,06
73	Ngày 11 tháng 4	79.051.452.263	10.100.000	7.826,87	44,87
74	Ngày 12 tháng 4	78.821.311.594	10.100.000	7.804,09	(22,78)
75	Ngày 13 tháng 4	78.358.520.849	10.100.000	7.758,26	(45,83)
76	Ngày 14 tháng 4	78.362.773.644	10.100.000	7.758,69	0,43
77	Ngày 15 tháng 4	78.361.157.062	10.100.000	7.758,53	(0,16)
79	Ngày 19 tháng 4	77.178.777.053	10.100.000	7.641,46	(117,07)
80	Ngày 20 tháng 4	77.144.468.991	10.100.000	7.638,06	(3,40)
81	Ngày 21 tháng 4	78.015.740.643	10.100.000	7.724,33	86,27
82	Ngày 22 tháng 4	79.402.077.441	10.100.000	7.861,59	137,26
83	Ngày 25 tháng 4	78.807.292.572	10.100.000	7.802,70	(58,89)
84	Ngày 26 tháng 4	78.646.427.493	10.100.000	7.786,77	(15,93)
85	Ngày 27 tháng 4	78.107.950.670	10.100.000	7.733,46	(53,31)
86	Ngày 28 tháng 4	78.443.770.961	10.100.000	7.766,70	33,24
87	Ngày 29 tháng 4	78.649.804.134	10.100.000	7.787,10	20,40
88	Ngày 30 tháng 4	78.645.920.156	10.100.000	7.786,72	(0,38)
89	Ngày 4 tháng 5	78.529.897.705	10.100.000	7.775,23	(11,49)
90	Ngày 5 tháng 5	78.487.857.845	10.100.000	7.771,07	(4,16)
91	Ngày 6 tháng 5	78.294.595.526	10.100.000	7.751,94	(19,13)
92	Ngày 9 tháng 5	78.427.079.165	10.100.000	7.765,05	13,11
93	Ngày 10 tháng 5	78.173.750.696	10.100.000	7.739,97	(25,08)
94	Ngày 11 tháng 5	78.513.638.285	10.100.000	7.773,62	33,65
95	Ngày 12 tháng 5	79.315.522.320	10.100.000	7.853,02	79,40
96	Ngày 13 tháng 5	79.880.241.439	10.100.000	7.908,93	55,91
97	Ngày 16 tháng 5	80.943.653.155	10.100.000	8.014,22	105,29
98	Ngày 17 tháng 5	81.884.752.290	10.100.000	8.107,40	93,18

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
99	Ngày 18 tháng 5	81.731.042.226	10.100.000	8.092,18	(15,22)
100	Ngày 19 tháng 5	80.772.561.454	10.100.000	7.997,28	(94,90)
101	Ngày 20 tháng 5	80.784.023.827	10.100.000	7.998,41	1,13
102	Ngày 23 tháng 5	80.184.589.280	10.100.000	7.939,06	(59,35)
103	Ngày 24 tháng 5	80.344.858.550	10.100.000	7.954,93	15,87
104	Ngày 25 tháng 5	80.335.193.055	10.100.000	7.953,97	(0,96)
105	Ngày 26 tháng 5	79.854.538.124	10.100.000	7.906,38	(47,59)
106	Ngày 27 tháng 5	80.400.090.140	10.100.000	7.960,40	54,02
107	Ngày 30 tháng 5	80.753.424.780	10.100.000	7.995,38	34,98
108	Ngày 31 tháng 5	81.277.230.821	10.100.000	8.047,25	51,87
109	Ngày 1 tháng 6	81.257.096.727	10.100.000	8.045,25	(2,00)
110	Ngày 2 tháng 6	81.689.018.181	10.100.000	8.088,02	42,77
111	Ngày 3 tháng 6	82.224.924.215	10.100.000	8.141,08	53,06
112	Ngày 6 tháng 6	81.874.577.234	10.100.000	8.106,39	(34,69)
113	Ngày 7 tháng 6	82.731.265.851	10.100.000	8.191,21	84,82
114	Ngày 8 tháng 6	83.346.866.427	10.100.000	8.252,16	60,95
115	Ngày 9 tháng 6	84.528.406.492	10.100.000	8.369,14	116,98
116	Ngày 10 tháng 6	84.396.179.962	10.100.000	8.356,05	(13,09)
117	Ngày 13 tháng 6	83.638.337.294	10.100.000	8.281,02	(75,03)
118	Ngày 14 tháng 6	83.714.357.879	10.100.000	8.288,55	7,53
119	Ngày 15 tháng 6	83.807.099.541	10.100.000	8.297,73	9,18
120	Ngày 16 tháng 6	83.458.590.421	10.100.000	8.263,22	(34,51)
121	Ngày 17 tháng 6	82.693.381.055	10.100.000	8.187,46	(75,76)
122	Ngày 20 tháng 6	83.530.113.621	10.100.000	8.270,30	82,84
123	Ngày 21 tháng 6	83.402.163.872	10.100.000	8.257,63	(12,67)
124	Ngày 22 tháng 6	84.067.041.541	10.100.000	8.323,46	65,83
125	Ngày 23 tháng 6	84.593.286.918	10.100.000	8.375,57	52,11
126	Ngày 24 tháng 6	82.430.664.042	10.100.000	8.161,45	(214,12)
127	Ngày 27 tháng 6	82.724.314.034	10.100.000	8.190,52	29,07
128	Ngày 28 tháng 6	83.344.980.066	10.100.000	8.251,97	61,45
129	Ngày 29 tháng 6	84.024.468.116	10.100.000	8.319,25	67,28
130	Ngày 30 tháng 6	83.721.748.595	10.100.000	8.289,28	(29,97)
131	Ngày 1 tháng 7	84.144.144.813	10.100.000	8.331,10	41,82
132	Ngày 4 tháng 7	85.428.570.041	10.100.000	8.458,27	127,17
133	Ngày 5 tháng 7	85.626.204.161	10.100.000	8.477,84	19,57
134	Ngày 6 tháng 7	87.021.569.452	10.100.000	8.615,99	138,15
135	Ngày 7 tháng 7	89.037.477.477	10.100.000	8.815,59	199,60
136	Ngày 8 tháng 7	88.458.317.214	10.100.000	8.758,24	(57,35)
137	Ngày 11 tháng 7	86.182.770.648	10.100.000	8.532,94	(225,30)
138	Ngày 12 tháng 7	87.056.978.231	10.100.000	8.619,50	86,56
139	Ngày 13 tháng 7	87.829.380.459	10.100.000	8.695,97	76,47
140	Ngày 14 tháng 7	86.960.554.528	10.100.000	8.609,95	(86,02)
141	Ngày 15 tháng 7	86.782.744.252	10.100.000	8.592,35	(17,60)
142	Ngày 18 tháng 7	87.439.430.182	10.100.000	8.657,36	65,01
143	Ngày 19 tháng 7	87.000.635.233	10.100.000	8.613,92	(43,44)
144	Ngày 20 tháng 7	85.694.104.584	10.100.000	8.484,56	(129,36)
145	Ngày 21 tháng 7	85.321.661.424	10.100.000	8.447,68	(36,88)
146	Ngày 22 tháng 7	84.929.454.669	10.100.000	8.408,85	(38,83)
147	Ngày 25 tháng 7	84.575.391.272	10.100.000	8.373,80	(35,05)

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
148	Ngày 26 tháng 7	84.213.788.985	10.100.000	8.337,99	(35,81)
149	Ngày 27 tháng 7	84.516.019.678	10.100.000	8.367,92	29,93
150	Ngày 28 tháng 7	81.700.626.965	9.800.000	8.336,79	(31,13)
151	Ngày 29 tháng 7	81.872.414.976	9.800.000	8.354,32	17,53
152	Ngày 31 tháng 7	81.864.686.337	9.800.000	8.353,53	(0,79)
153	Ngày 1 tháng 8	81.518.507.360	9.800.000	8.318,21	(35,32)
154	Ngày 2 tháng 8	79.896.164.169	9.800.000	8.152,66	(165,55)
155	Ngày 3 tháng 8	79.443.861.360	9.800.000	8.106,51	(46,15)
156	Ngày 4 tháng 8	79.042.600.116	9.800.000	8.065,57	(40,94)
157	Ngày 5 tháng 8	79.180.292.206	9.800.000	8.079,62	14,05
158	Ngày 8 tháng 8	78.974.452.154	9.800.000	8.058,61	(21,01)
159	Ngày 9 tháng 8	79.993.899.029	9.800.000	8.162,64	104,03
160	Ngày 10 tháng 8	80.759.900.239	9.800.000	8.240,80	78,16
161	Ngày 11 tháng 8	82.355.179.157	9.800.000	8.403,58	162,78
162	Ngày 12 tháng 8	82.660.180.308	9.800.000	8.434,71	31,13
163	Ngày 15 tháng 8	82.960.201.966	9.800.000	8.465,32	30,61
164	Ngày 16 tháng 8	83.098.958.321	9.800.000	8.479,48	14,16
165	Ngày 17 tháng 8	83.713.227.985	9.800.000	8.542,16	62,68
166	Ngày 18 tháng 8	83.719.169.669	9.800.000	8.542,77	0,61
167	Ngày 19 tháng 8	82.707.470.372	9.800.000	8.439,53	(103,24)
168	Ngày 22 tháng 8	82.253.455.732	9.800.000	8.393,20	(46,33)
169	Ngày 23 tháng 8	82.804.094.616	9.800.000	8.449,39	56,19
170	Ngày 24 tháng 8	82.966.833.077	9.800.000	8.466,00	16,61
171	Ngày 25 tháng 8	82.922.413.545	9.800.000	8.461,47	(4,53)
172	Ngày 26 tháng 8	83.686.643.871	9.800.000	8.539,45	77,98
173	Ngày 29 tháng 8	82.532.938.176	9.800.000	8.421,72	(117,73)
174	Ngày 30 tháng 8	83.422.979.904	9.800.000	8.512,54	90,82
175	Ngày 31 tháng 8	84.088.822.158	9.800.000	8.580,49	67,95
176	Ngày 1 tháng 9	83.315.429.745	9.800.000	8.501,57	(78,92)
177	Ngày 5 tháng 9	83.598.210.403	9.800.000	8.530,42	28,85
178	Ngày 6 tháng 9	83.941.215.592	9.800.000	8.565,43	35,01
179	Ngày 7 tháng 9	84.049.974.093	9.800.000	8.576,52	11,09
180	Ngày 8 tháng 9	84.801.127.132	9.800.000	8.653,17	76,65
181	Ngày 9 tháng 9	84.415.774.337	9.800.000	8.613,85	(39,32)
182	Ngày 12 tháng 9	83.354.661.373	9.800.000	8.505,57	(108,28)
183	Ngày 13 tháng 9	83.760.084.936	9.800.000	8.546,94	41,37
184	Ngày 14 tháng 9	83.105.405.442	9.800.000	8.480,14	(66,80)
185	Ngày 15 tháng 9	82.192.626.578	9.800.000	8.387,00	(93,14)
186	Ngày 16 tháng 9	80.900.180.010	9.800.000	8.255,12	(131,88)
187	Ngày 19 tháng 9	81.862.505.603	9.800.000	8.353,31	98,19
188	Ngày 20 tháng 9	82.345.487.788	9.800.000	8.402,60	49,29
189	Ngày 21 tháng 9	82.674.741.779	9.800.000	8.436,19	33,59
190	Ngày 22 tháng 9	82.383.124.352	9.800.000	8.406,44	(29,75)
191	Ngày 23 tháng 9	81.680.604.612	9.800.000	8.334,75	(71,69)
192	Ngày 26 tháng 9	81.206.398.296	9.800.000	8.286,36	(48,39)
193	Ngày 27 tháng 9	81.877.911.271	9.800.000	8.354,88	68,52
194	Ngày 28 tháng 9	82.594.986.621	9.800.000	8.428,05	73,17
195	Ngày 29 tháng 9	84.171.687.130	9.800.000	8.588,94	160,89
196	Ngày 30 tháng 9	83.661.100.157	9.800.000	8.536,84	(52,10)

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICQ VND
197	Ngày 3 tháng 10	84.131.340.550	9.800.000	8.584,83	47,99
198	Ngày 4 tháng 10	83.622.754.252	9.800.000	8.532,93	(51,90)
199	Ngày 5 tháng 10	84.206.837.371	9.800.000	8.592,53	59,60
200	Ngày 6 tháng 10	84.935.249.241	9.800.000	8.666,86	74,33
201	Ngày 7 tháng 10	84.152.083.408	9.800.000	8.586,94	(79,92)
202	Ngày 10 tháng 10	82.952.262.725	9.800.000	8.464,51	(122,43)
203	Ngày 11 tháng 10	83.044.789.223	9.800.000	8.473,95	9,44
204	Ngày 12 tháng 10	83.161.169.929	9.800.000	8.485,83	11,88
205	Ngày 13 tháng 10	83.888.439.900	9.800.000	8.560,04	74,21
206	Ngày 14 tháng 10	84.149.668.501	9.800.000	8.586,70	26,66
207	Ngày 17 tháng 10	83.802.821.124	9.800.000	8.551,30	(35,40)
208	Ngày 18 tháng 10	83.980.901.432	9.800.000	8.569,47	18,17
209	Ngày 19 tháng 10	85.134.467.680	9.800.000	8.687,19	117,72
210	Ngày 20 tháng 10	84.816.418.473	9.800.000	8.654,73	(32,46)
211	Ngày 21 tháng 10	83.936.100.194	9.800.000	8.564,90	(89,83)
212	Ngày 24 tháng 10	82.553.512.653	9.800.000	8.423,82	(141,08)
213	Ngày 25 tháng 10	82.405.502.482	9.800.000	8.408,72	(15,10)
214	Ngày 26 tháng 10	81.430.588.131	9.800.000	8.309,24	(99,48)
215	Ngày 27 tháng 10	81.839.006.998	9.800.000	8.350,91	41,67
216	Ngày 28 tháng 10	82.422.478.548	9.800.000	8.410,45	59,54
217	Ngày 31 tháng 10	81.320.663.236	9.800.000	8.298,02	(112,43)
218	Ngày 1 tháng 11	81.305.984.020	9.800.000	8.296,52	(1,50)
219	Ngày 2 tháng 11	79.737.361.137	9.800.000	8.136,46	(160,06)
220	Ngày 3 tháng 11	79.204.987.029	9.800.000	8.082,14	(54,32)
221	Ngày 4 tháng 11	79.006.387.373	9.800.000	8.061,87	(20,27)
222	Ngày 7 tháng 11	79.852.942.042	9.800.000	8.148,25	86,38
223	Ngày 8 tháng 11	80.330.560.556	9.800.000	8.196,99	48,74
224	Ngày 9 tháng 11	78.722.706.735	9.800.000	8.032,92	(164,07)
225	Ngày 10 tháng 11	80.451.631.596	9.800.000	8.209,35	176,43
226	Ngày 11 tháng 11	79.873.309.456	9.800.000	8.150,33	(59,02)
227	Ngày 14 tháng 11	79.369.064.279	9.800.000	8.098,88	(51,45)
228	Ngày 15 tháng 11	79.534.157.952	9.800.000	8.115,73	16,85
229	Ngày 16 tháng 11	79.761.232.745	9.800.000	8.138,90	23,17
230	Ngày 17 tháng 11	79.535.959.114	9.800.000	8.115,91	(22,99)
231	Ngày 18 tháng 11	79.333.067.116	9.800.000	8.095,21	(20,70)
232	Ngày 21 tháng 11	79.058.365.037	9.800.000	8.067,18	(28,03)
233	Ngày 22 tháng 11	79.743.267.875	9.800.000	8.137,06	69,88
234	Ngày 23 tháng 11	79.969.364.542	9.800.000	8.160,13	23,07
235	Ngày 24 tháng 11	79.777.839.568	9.800.000	8.140,59	(19,54)
236	Ngày 25 tháng 11	79.445.300.277	9.800.000	8.106,66	(33,93)
237	Ngày 28 tháng 11	78.096.959.000	9.800.000	7.969,07	(137,59)
238	Ngày 29 tháng 11	78.030.238.240	9.800.000	7.962,26	(6,81)
239	Ngày 30 tháng 11	79.161.880.956	9.800.000	8.077,74	115,48
240	Ngày 1 tháng 12	80.255.548.408	9.800.000	8.189,34	111,60
241	Ngày 2 tháng 12	79.901.842.840	9.800.000	8.153,24	(36,10)
242	Ngày 5 tháng 12	79.075.673.842	9.800.000	8.068,94	(84,30)
243	Ngày 6 tháng 12	78.042.721.772	9.800.000	7.963,54	(105,40)
244	Ngày 7 tháng 12	78.132.601.180	9.800.000	7.972,71	9,17
245	Ngày 8 tháng 12	78.434.584.934	9.800.000	8.003,52	30,81

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
246	Ngày 9 tháng 12	78.299.914.876	9.800.000	7.989,78	(13,74)
247	Ngày 12 tháng 12	77.240.053.143	9.800.000	7.881,63	(108,15)
248	Ngày 13 tháng 12	76.173.854.104	9.800.000	7.772,84	(108,79)
249	Ngày 14 tháng 12	77.129.401.613	9.800.000	7.870,34	97,50
250	Ngày 15 tháng 12	77.327.722.219	9.800.000	7.890,58	20,24
251	Ngày 16 tháng 12	78.504.880.949	9.800.000	8.010,70	120,12
252	Ngày 19 tháng 12	78.996.913.797	9.800.000	8.060,90	50,20
253	Ngày 20 tháng 12	78.618.242.518	9.800.000	8.022,26	(38,64)
254	Ngày 21 tháng 12	79.231.733.568	9.800.000	8.084,87	62,61
255	Ngày 22 tháng 12	78.152.072.437	9.800.000	7.974,70	(110,17)
256	Ngày 23 tháng 12	77.316.232.863	9.800.000	7.889,41	(85,29)
257	Ngày 26 tháng 12	77.618.608.074	9.800.000	7.920,26	30,85
258	Ngày 27 tháng 12	77.338.975.870	9.800.000	7.891,73	(28,53)
259	Ngày 28 tháng 12	77.719.045.959	9.800.000	7.930,51	38,78
260	Ngày 29 tháng 12	78.147.964.832	9.800.000	7.974,28	43,77
261	Ngày 30 tháng 12	78.548.597.936	9.800.000	8.015,16	40,88
262	Ngày 31 tháng 12	78.584.454.267	9.800.000	8.018,82	3,66
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)				80.075.523.369	
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm					
Mức cao nhất (VND/CCQ)				8.815,59	
Mức thấp nhất (VND/CCQ)				6.840,38	

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND
1	Ngày 10 tháng 12 năm 2014	92.416.434.091	10.100.000	9.150,14	
2	Ngày 11 tháng 12	91.097.388.182	10.100.000	9.019,54	(130,60)
3	Ngày 12 tháng 12	91.705.332.273	10.100.000	9.079,73	60,19
4	Ngày 15 tháng 12	90.806.404.546	10.100.000	8.990,73	(89,00)
5	Ngày 16 tháng 12	88.195.038.637	10.100.000	8.732,18	(258,55)
6	Ngày 17 tháng 12	85.615.292.428	10.100.000	8.476,76	(255,42)
7	Ngày 18 tháng 12	88.081.686.519	10.100.000	8.720,95	244,19
8	Ngày 19 tháng 12	85.821.170.610	10.100.000	8.497,14	(223,81)
9	Ngày 22 tháng 12	87.784.532.883	10.100.000	8.691,53	194,39
10	Ngày 23 tháng 12	87.491.606.974	10.100.000	8.662,53	(29,00)
11	Ngày 24 tháng 12	87.994.561.065	10.100.000	8.712,33	49,80
12	Ngày 25 tháng 12	86.362.320.156	10.100.000	8.550,72	(161,61)
13	Ngày 26 tháng 12	84.977.836.747	10.100.000	8.413,64	(137,08)
14	Ngày 29 tháng 12	82.591.886.520	10.100.000	8.177,41	(236,23)
15	Ngày 30 tháng 12	85.012.880.611	10.100.000	8.417,11	239,70
16	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	87.761.901.393	10.100.000	8.689,29	272,18
17	Ngày 1 tháng 1	87.758.699.244	10.100.000	8.688,98	(0,31)
18	Ngày 5 tháng 1	87.115.685.405	10.100.000	8.625,31	(63,67)
19	Ngày 6 tháng 1	89.027.145.881	10.100.000	8.814,56	189,25
20	Ngày 7 tháng 1	89.255.970.722	10.100.000	8.837,22	22,66
21	Ngày 8 tháng 1	89.008.331.456	10.100.000	8.812,70	(24,52)
22	Ngày 9 tháng 1	91.038.214.382	10.100.000	9.013,68	200,98
23	Ngày 12 tháng 1	89.970.794.285	10.100.000	8.907,99	(105,69)
24	Ngày 13 tháng 1	90.477.521.087	10.100.000	8.958,17	50,18
25	Ngày 14 tháng 1	90.028.372.847	10.100.000	8.913,70	(44,47)
26	Ngày 15 tháng 1	91.605.992.995	10.100.000	9.069,90	156,20
27	Ngày 16 tháng 1	91.127.792.195	10.100.000	9.022,55	(47,35)
28	Ngày 19 tháng 1	90.765.571.930	10.100.000	8.986,69	(35,86)
29	Ngày 20 tháng 1	90.323.332.150	10.100.000	8.942,90	(43,79)
30	Ngày 21 tháng 1	89.290.636.516	10.100.000	8.840,65	(102,25)
31	Ngày 22 tháng 1	90.544.584.023	10.100.000	8.964,81	124,16
32	Ngày 23 tháng 1	92.216.970.802	10.100.000	9.130,39	165,58
33	Ngày 26 tháng 1	91.933.235.052	10.100.000	9.102,30	(28,09)
34	Ngày 27 tháng 1	90.430.278.806	10.100.000	8.953,49	(148,81)
35	Ngày 28 tháng 1	91.782.114.042	10.100.000	9.087,33	133,84
36	Ngày 29 tháng 1	91.813.341.350	10.100.000	9.090,42	3,09
37	Ngày 30 tháng 1	89.630.253.563	10.100.000	8.874,28	(216,14)
38	Ngày 31 tháng 1	89.622.025.898	10.100.000	8.873,46	(0,82)
39	Ngày 2 tháng 2	88.462.109.725	10.100.000	8.758,62	(114,84)

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND
40	Ngày 3 tháng 2	86.209.425.214	10.100.000	8.535,58	(223,04)
41	Ngày 4 tháng 2	86.986.770.667	10.100.000	8.612,55	76,97
42	Ngày 5 tháng 2	87.071.549.956	10.100.000	8.620,94	8,39
43	Ngày 6 tháng 2	88.131.045.532	10.100.000	8.725,84	104,90
44	Ngày 9 tháng 2	87.449.562.611	10.100.000	8.658,37	(67,47)
45	Ngày 10 tháng 2	87.630.709.240	10.100.000	8.676,30	17,93
46	Ngày 11 tháng 2	88.842.534.270	10.100.000	8.796,29	119,99
47	Ngày 12 tháng 2	89.075.564.948	10.100.000	8.819,36	23,07
48	Ngày 13 tháng 2	89.532.451.702	10.100.000	8.864,59	45,23
49	Ngày 24 tháng 2	90.495.789.526	10.100.000	8.959,97	95,38
50	Ngày 25 tháng 2	89.381.349.674	10.100.000	8.849,63	(110,34)
51	Ngày 26 tháng 2	90.109.139.852	10.100.000	8.921,69	72,06
52	Ngày 27 tháng 2	89.738.040.116	10.100.000	8.884,95	(36,74)
53	Ngày 28 tháng 2	89.734.605.428	10.100.000	8.884,61	(0,34)
54	Ngày 2 tháng 3	89.166.632.479	10.100.000	8.828,37	(56,24)
55	Ngày 3 tháng 3	90.375.386.988	10.100.000	8.948,05	119,68
56	Ngày 4 tháng 3	91.365.985.428	10.100.000	9.046,13	98,08
57	Ngày 5 tháng 3	91.525.344.183	10.100.000	9.061,91	15,78
58	Ngày 6 tháng 3	91.219.002.136	10.100.000	9.031,58	(30,33)
59	Ngày 9 tháng 3	89.869.016.224	10.100.000	8.897,92	(133,66)
60	Ngày 10 tháng 3	90.316.214.022	10.100.000	8.942,19	44,27
61	Ngày 11 tháng 3	89.850.410.721	10.100.000	8.896,08	(46,11)
62	Ngày 12 tháng 3	89.850.087.651	10.100.000	8.896,04	(0,04)
63	Ngày 13 tháng 3	89.387.661.188	10.100.000	8.850,26	(45,78)
64	Ngày 16 tháng 3	88.315.044.569	10.100.000	8.744,06	(106,20)
65	Ngày 17 tháng 3	88.850.701.462	10.100.000	8.797,09	53,03
66	Ngày 18 tháng 3	88.410.432.888	10.100.000	8.753,50	(43,59)
67	Ngày 19 tháng 3	87.870.267.211	10.100.000	8.700,02	(53,48)
68	Ngày 20 tháng 3	88.486.267.997	10.100.000	8.761,01	60,99
69	Ngày 23 tháng 3	86.734.477.406	10.100.000	8.587,57	(173,44)
70	Ngày 24 tháng 3	86.078.915.669	10.100.000	8.522,66	(64,91)
71	Ngày 25 tháng 3	85.392.318.938	10.100.000	8.454,68	(67,98)
72	Ngày 26 tháng 3	85.424.854.262	10.100.000	8.457,90	3,22
73	Ngày 27 tháng 3	86.384.109.327	10.300.000	8.386,80	(71,10)
74	Ngày 30 tháng 3	84.980.277.930	10.300.000	8.250,51	(136,29)
75	Ngày 31 tháng 3	85.927.491.216	10.300.000	8.342,47	91,96
76	Ngày 1 tháng 4	83.255.975.336	10.300.000	8.083,10	(259,37)
77	Ngày 2 tháng 4	85.039.295.326	10.300.000	8.256,24	173,14
78	Ngày 3 tháng 4	85.288.295.407	10.300.000	8.280,41	24,17
79	Ngày 6 tháng 4	84.774.675.708	10.300.000	8.230,55	(49,86)
80	Ngày 7 tháng 4	85.759.873.228	10.300.000	8.326,20	95,65
81	Ngày 8 tháng 4	85.188.734.669	10.300.000	8.270,75	(55,45)
82	Ngày 9 tháng 4	85.729.330.007	10.300.000	8.323,23	52,48

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND
83	Ngày 10 tháng 4	84.958.002.856	10.100.000	8.411,68	88,45
84	Ngày 13 tháng 4	84.140.736.411	10.100.000	8.330,76	(80,92)
85	Ngày 14 tháng 4	83.829.274.777	10.100.000	8.299,92	(30,84)
86	Ngày 15 tháng 4	85.374.959.045	10.100.000	8.452,96	153,04
87	Ngày 16 tháng 4	86.001.577.553	10.100.000	8.515,00	62,04
88	Ngày 17 tháng 4	86.244.549.762	10.100.000	8.539,06	24,06
89	Ngày 20 tháng 4	85.887.412.060	10.100.000	8.503,70	(35,36)
90	Ngày 21 tháng 4	85.770.355.436	10.100.000	8.492,11	(11,59)
91	Ngày 22 tháng 4	85.461.403.045	10.100.000	8.461,52	(30,59)
92	Ngày 23 tháng 4	85.283.183.994	10.100.000	8.443,87	(17,65)
93	Ngày 24 tháng 4	85.621.255.012	10.100.000	8.477,35	33,48
94	Ngày 27 tháng 4	85.331.524.829	10.100.000	8.448,66	(28,69)
95	Ngày 30 tháng 4	85.319.997.815	10.100.000	8.447,52	(1,14)
96	Ngày 4 tháng 5	81.933.121.322	10.100.000	8.112,19	(335,33)
97	Ngày 5 tháng 5	82.358.989.232	10.100.000	8.154,35	42,16
98	Ngày 6 tháng 5	81.498.851.270	10.100.000	8.069,19	(85,16)
99	Ngày 7 tháng 5	82.182.294.838	10.100.000	8.136,86	67,67
100	Ngày 8 tháng 5	82.361.431.405	10.100.000	8.154,59	17,73
101	Ngày 11 tháng 5	81.598.670.502	10.100.000	8.079,07	(75,52)
102	Ngày 12 tháng 5	80.723.758.465	10.100.000	7.992,45	(86,62)
103	Ngày 13 tháng 5	80.926.886.343	10.100.000	8.012,56	20,11
104	Ngày 14 tháng 5	81.271.628.499	10.100.000	8.046,69	34,13
105	Ngày 15 tháng 5	80.327.055.594	10.100.000	7.953,17	(93,52)
106	Ngày 18 tháng 5	78.281.045.135	10.100.000	7.750,59	(202,58)
107	Ngày 19 tháng 5	79.399.760.434	10.100.000	7.861,36	110,77
108	Ngày 20 tháng 5	82.023.623.308	10.100.000	8.121,15	259,79
109	Ngày 21 tháng 5	82.902.930.535	10.100.000	8.208,21	87,06
110	Ngày 22 tháng 5	82.202.071.463	10.100.000	8.138,81	(69,40)
111	Ngày 25 tháng 5	82.876.794.785	10.100.000	8.205,62	66,81
112	Ngày 26 tháng 5	84.681.386.149	10.100.000	8.384,29	178,67
113	Ngày 27 tháng 5	84.976.914.465	10.100.000	8.413,55	29,26
114	Ngày 28 tháng 5	87.436.983.782	10.100.000	8.657,12	243,57
115	Ngày 29 tháng 5	86.897.997.182	10.100.000	8.603,76	(53,36)
116	Ngày 31 tháng 5	86.889.721.736	10.100.000	8.602,94	(0,82)
117	Ngày 1 tháng 6	87.512.352.867	10.100.000	8.664,58	61,64
118	Ngày 2 tháng 6	87.001.687.692	10.100.000	8.614,02	(50,56)
119	Ngày 3 tháng 6	88.442.429.582	10.100.000	8.756,67	142,65
120	Ngày 4 tháng 6	89.337.269.713	10.100.000	8.845,27	88,60
121	Ngày 5 tháng 6	91.681.295.733	10.100.000	9.077,35	232,08
122	Ngày 8 tháng 6	93.181.660.281	10.100.000	9.225,90	148,55
123	Ngày 9 tháng 6	91.925.694.554	10.100.000	9.101,55	(124,35)
124	Ngày 10 tháng 6	92.631.928.451	10.100.000	9.171,47	69,92
125	Ngày 11 tháng 6	93.488.287.618	10.100.000	9.256,26	84,79

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND
126	Ngày 12 tháng 6	94.136.354.608	10.100.000	9.320,43	64,17
127	Ngày 15 tháng 6	94.380.835.500	10.100.000	9.344,63	24,20
128	Ngày 16 tháng 6	92.889.687.367	10.100.000	9.196,99	(147,64)
129	Ngày 17 tháng 6	91.461.307.100	10.100.000	9.055,57	(141,42)
130	Ngày 18 tháng 6	92.186.654.398	10.100.000	9.127,39	71,82
131	Ngày 19 tháng 6	91.940.167.974	10.100.000	9.102,98	(24,41)
132	Ngày 22 tháng 6	91.823.286.847	10.100.000	9.091,41	(11,57)
133	Ngày 23 tháng 6	91.762.740.450	10.100.000	9.085,41	(6,00)
134	Ngày 24 tháng 6	91.779.809.721	10.100.000	9.087,10	1,69
135	Ngày 25 tháng 6	91.356.975.885	10.100.000	9.045,24	(41,86)
136	Ngày 26 tháng 6	90.440.943.697	10.100.000	8.954,54	(90,70)
137	Ngày 29 tháng 6	90.551.696.130	10.100.000	8.965,51	10,97
138	Ngày 30 tháng 6	89.614.344.660	10.100.000	8.872,70	(92,81)
139	Ngày 1 tháng 7	90.247.512.676	10.100.000	8.935,39	62,69
140	Ngày 2 tháng 7	92.038.006.362	10.100.000	9.112,67	177,28
141	Ngày 3 tháng 7	93.286.156.251	10.100.000	9.236,25	123,58
142	Ngày 4 tháng 7	95.450.531.024	10.100.000	9.450,54	214,29
143	Ngày 7 tháng 7	95.215.311.761	10.100.000	9.427,25	(23,29)
144	Ngày 8 tháng 7	93.505.159.051	10.100.000	9.257,93	(169,32)
145	Ngày 9 tháng 7	93.507.307.512	10.100.000	9.258,14	0,21
146	Ngày 10 tháng 7	94.142.545.569	10.100.000	9.321,04	62,90
147	Ngày 13 tháng 7	94.412.084.419	10.100.000	9.347,73	26,69
148	Ngày 14 tháng 7	94.764.122.663	10.100.000	9.382,58	34,85
149	Ngày 15 tháng 7	92.875.226.308	10.100.000	9.195,56	(187,02)
150	Ngày 16 tháng 7	92.909.306.159	10.100.000	9.198,94	3,38
151	Ngày 17 tháng 7	92.364.265.877	10.100.000	9.144,97	(53,97)
152	Ngày 20 tháng 7	90.689.660.610	10.100.000	8.979,17	(165,80)
153	Ngày 21 tháng 7	89.377.115.149	10.100.000	8.849,21	(129,96)
154	Ngày 22 tháng 7	91.875.711.760	10.100.000	9.096,60	247,39
155	Ngày 23 tháng 7	90.748.851.908	10.100.000	8.985,03	(111,57)
156	Ngày 24 tháng 7	90.807.831.547	10.100.000	8.990,87	5,84
157	Ngày 27 tháng 7	91.517.267.664	10.100.000	9.061,11	70,24
158	Ngày 28 tháng 7	89.999.370.380	10.100.000	8.910,82	(150,29)
159	Ngày 29 tháng 7	90.028.178.801	10.100.000	8.913,68	2,86
160	Ngày 30 tháng 7	91.268.323.901	10.100.000	9.036,46	122,78
161	Ngày 31 tháng 7	90.343.327.214	10.100.000	8.944,88	(91,58)
162	Ngày 3 tháng 8	88.266.612.916	10.100.000	8.739,26	(205,62)
163	Ngày 4 tháng 8	88.135.713.363	10.100.000	8.726,30	(12,96)
164	Ngày 5 tháng 8	89.692.693.118	10.100.000	8.880,46	154,16
165	Ngày 6 tháng 8	88.939.074.686	10.100.000	8.805,84	(74,62)
166	Ngày 7 tháng 8	88.963.408.193	10.100.000	8.808,25	2,41
167	Ngày 10 tháng 8	89.534.750.687	10.100.000	8.864,82	56,57
168	Ngày 11 tháng 8	88.798.788.350	10.100.000	8.791,95	(72,87)

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND
169	Ngày 12 tháng 8	87.319.278.254	10.100.000	8.645,47	(146,48)
170	Ngày 13 tháng 8	85.742.955.276	10.100.000	8.489,40	(156,07)
171	Ngày 14 tháng 8	84.914.344.950	10.100.000	8.407,36	(82,04)
172	Ngày 17 tháng 8	82.650.031.982	10.100.000	8.183,17	(224,19)
173	Ngày 18 tháng 8	83.511.165.278	10.100.000	8.268,43	85,26
174	Ngày 19 tháng 8	83.609.849.421	10.100.000	8.278,20	9,77
175	Ngày 20 tháng 8	81.758.427.327	10.100.000	8.094,89	(183,31)
176	Ngày 21 tháng 8	80.544.412.064	10.100.000	7.974,69	(120,20)
177	Ngày 24 tháng 8	74.859.554.574	10.100.000	7.411,83	(562,86)
178	Ngày 25 tháng 8	76.163.395.226	10.100.000	7.540,93	129,10
179	Ngày 26 tháng 8	79.611.358.457	10.100.000	7.882,31	341,38
180	Ngày 27 tháng 8	79.816.360.167	10.100.000	7.902,60	20,29
181	Ngày 28 tháng 8	81.743.408.380	10.100.000	8.093,40	190,80
182	Ngày 31 tháng 8	79.830.573.102	10.100.000	7.904,01	(189,39)
183	Ngày 1 tháng 9	79.958.760.506	10.100.000	7.916,70	12,69
184	Ngày 3 tháng 9	79.206.031.261	10.100.000	7.842,18	(74,52)
185	Ngày 4 tháng 9	79.063.570.630	10.100.000	7.828,07	(14,11)
186	Ngày 7 tháng 9	78.292.799.375	10.100.000	7.751,76	(76,31)
187	Ngày 8 tháng 9	79.653.302.163	10.100.000	7.886,46	134,70
188	Ngày 9 tháng 9	80.735.893.823	10.100.000	7.993,65	107,19
189	Ngày 10 tháng 9	80.105.608.517	10.100.000	7.931,24	(62,41)
190	Ngày 11 tháng 9	79.670.221.975	10.100.000	7.888,14	(43,10)
191	Ngày 14 tháng 9	78.677.155.222	10.100.000	7.789,81	(98,33)
192	Ngày 15 tháng 9	78.506.480.364	10.100.000	7.772,91	(16,90)
193	Ngày 16 tháng 9	78.999.333.413	10.100.000	7.821,71	48,80
194	Ngày 17 tháng 9	79.477.950.004	10.100.000	7.869,10	47,39
195	Ngày 18 tháng 9	80.153.507.341	10.100.000	7.935,99	66,89
196	Ngày 21 tháng 9	80.864.294.704	10.100.000	8.006,36	70,37
197	Ngày 22 tháng 9	81.244.888.991	10.100.000	8.044,04	37,68
198	Ngày 23 tháng 9	81.525.519.234	10.100.000	8.071,83	27,79
199	Ngày 24 tháng 9	81.377.907.698	10.100.000	8.057,21	(14,62)
200	Ngày 25 tháng 9	81.102.105.940	10.100.000	8.029,91	(27,30)
201	Ngày 28 tháng 9	80.337.301.061	10.100.000	7.954,18	(75,73)
202	Ngày 29 tháng 9	79.667.128.761	10.100.000	7.887,83	(66,35)
203	Ngày 30 tháng 9	79.645.849.949	10.100.000	7.885,72	(2,11)
204	Ngày 1 tháng 10	79.849.119.710	10.100.000	7.905,85	20,13
205	Ngày 2 tháng 10	80.094.935.003	10.100.000	7.930,19	24,34
206	Ngày 5 tháng 10	81.263.262.338	10.100.000	8.045,86	115,67
207	Ngày 6 tháng 10	83.472.452.963	10.100.000	8.264,59	218,73
208	Ngày 7 tháng 10	82.591.775.852	10.100.000	8.177,40	(87,19)
209	Ngày 8 tháng 10	83.784.446.103	10.100.000	8.295,48	118,08
210	Ngày 9 tháng 10	83.994.066.784	10.100.000	8.316,24	20,76
211	Ngày 12 tháng 10	84.100.958.697	10.100.000	8.326,82	10,58

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSIAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND
212	Ngày 13 tháng 10	83.536.844.440	10.100.000	8.270,97	(55,85)
213	Ngày 14 tháng 10	83.336.656.825	10.100.000	8.251,15	(19,82)
214	Ngày 15 tháng 10	84.012.670.978	10.100.000	8.318,08	66,93
215	Ngày 16 tháng 10	83.858.074.921	10.100.000	8.302,77	(15,31)
216	Ngày 19 tháng 10	83.917.293.580	10.100.000	8.308,64	5,87
217	Ngày 20 tháng 10	83.399.455.207	10.100.000	8.257,37	(51,27)
218	Ngày 21 tháng 10	83.112.582.662	10.100.000	8.228,96	(28,41)
219	Ngày 22 tháng 10	83.850.816.904	10.100.000	8.302,06	73,10
220	Ngày 23 tháng 10	83.967.879.744	10.100.000	8.313,65	11,59
221	Ngày 26 tháng 10	84.008.333.960	10.100.000	8.317,65	4,00
222	Ngày 27 tháng 10	83.437.768.861	10.100.000	8.261,16	(56,49)
223	Ngày 28 tháng 10	83.143.378.935	10.100.000	8.232,01	(29,15)
224	Ngày 29 tháng 10	84.398.596.674	10.100.000	8.356,29	124,28
225	Ngày 30 tháng 10	84.320.131.787	10.100.000	8.348,52	(7,77)
226	Ngày 31 tháng 10	84.316.029.366	10.100.000	8.348,12	(0,40)
227	Ngày 2 tháng 11	83.122.135.620	10.100.000	8.229,91	(118,21)
228	Ngày 3 tháng 11	84.255.917.759	10.100.000	8.342,17	112,26
229	Ngày 4 tháng 11	83.969.874.518	10.100.000	8.313,84	(28,33)
230	Ngày 5 tháng 11	83.934.252.383	10.100.000	8.310,32	(3,52)
231	Ngày 6 tháng 11	83.231.050.662	10.100.000	8.240,69	(69,63)
232	Ngày 9 tháng 11	83.129.352.636	10.100.000	8.230,62	(10,07)
233	Ngày 10 tháng 11	82.422.786.487	10.100.000	8.160,67	(69,95)
234	Ngày 11 tháng 11	81.910.801.476	10.100.000	8.109,98	(50,69)
235	Ngày 12 tháng 11	82.462.627.783	10.100.000	8.164,61	54,63
236	Ngày 13 tháng 11	82.777.073.629	10.100.000	8.195,74	31,13
237	Ngày 16 tháng 11	82.103.139.927	10.100.000	8.129,02	(66,72)
238	Ngày 17 tháng 11	82.265.351.033	10.100.000	8.145,08	16,06
239	Ngày 18 tháng 11	82.400.670.088	10.100.000	8.158,48	13,40
240	Ngày 19 tháng 11	81.962.303.949	10.100.000	8.115,07	(43,41)
241	Ngày 20 tháng 11	82.298.918.395	10.100.000	8.148,40	33,33
242	Ngày 23 tháng 11	82.759.228.380	10.100.000	8.193,98	45,58
243	Ngày 24 tháng 11	82.374.985.586	10.100.000	8.155,93	(38,05)
244	Ngày 25 tháng 11	82.775.218.709	10.100.000	8.195,56	39,63
245	Ngày 26 tháng 11	82.502.157.872	10.100.000	8.168,53	(27,03)
246	Ngày 27 tháng 11	81.813.178.775	10.100.000	8.100,31	(68,22)
247	Ngày 30 tháng 11	80.658.169.600	10.100.000	7.985,95	(114,36)
248	Ngày 1 tháng 12	80.298.435.177	10.100.000	7.950,34	(35,61)
249	Ngày 2 tháng 12	80.429.379.908	10.100.000	7.963,30	12,96
250	Ngày 3 tháng 12	79.741.162.468	10.100.000	7.895,16	(68,14)
251	Ngày 4 tháng 12	79.913.004.414	10.100.000	7.912,17	17,01
252	Ngày 7 tháng 12	78.965.703.329	10.100.000	7.818,38	(93,79)
253	Ngày 8 tháng 12	79.401.984.235	10.100.000	7.861,58	43,20
254	Ngày 9 tháng 12	78.268.119.273	10.100.000	7.749,31	(112,27)

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
QUỸ ETF SSLAM HNX30
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B06 - ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/1CCQ VND
255	Ngày 10 tháng 12	77.194.085.414	10.100.000	7.642,97	(106,34)
256	Ngày 11 tháng 12	77.636.366.798	10.100.000	7.686,76	43,79
257	Ngày 14 tháng 12	76.754.609.860	10.100.000	7.599,46	(87,30)
258	Ngày 15 tháng 12	77.118.732.241	10.100.000	7.635,51	36,05
259	Ngày 16 tháng 12	77.524.350.758	10.100.000	7.675,67	40,16
260	Ngày 17 tháng 12	77.978.557.655	10.100.000	7.720,64	44,97
261	Ngày 18 tháng 12	76.104.480.224	10.100.000	7.535,09	(185,55)
262	Ngày 21 tháng 12	76.496.703.883	10.100.000	7.573,93	38,84
263	Ngày 22 tháng 12	76.751.613.886	10.100.000	7.599,16	25,23
264	Ngày 23 tháng 12	75.938.519.929	10.100.000	7.518,66	(80,50)
265	Ngày 24 tháng 12	76.128.406.970	10.100.000	7.537,46	18,80
266	Ngày 25 tháng 12	75.822.590.600	10.100.000	7.507,18	(30,28)
267	Ngày 28 tháng 12	75.536.034.639	10.100.000	7.478,81	(28,37)
268	Ngày 29 tháng 12	76.584.845.328	10.100.000	7.582,65	103,84
269	Ngày 30 tháng 12	77.367.512.494	10.100.000	7.660,14	77,49
270	Ngày 31 tháng 12	78.143.998.433	10.100.000	7.737,02	76,88
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND)				85.578.875.703	
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ					
Mức cao nhất (VND/CCQ)				9.450,54	
Mức thấp nhất (VND/CCQ)				7.411,83	

16. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	9.800.000	10.100.000

17. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(i) Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI - Công ty Quản lý Quỹ

	Giá trị giao dịch	
	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 14)	400.600.407	457.339.155
	Số dư tại ngày	
	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ phải trả (Thuyết minh 8)	33.126.045	32.900.811

(ii) Ban Đại diện Quỹ

	Giá trị giao dịch	
	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 14)	180.000.000	165.000.000
	Số dư tại ngày	
	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ phải trả (Thuyết minh 7)	4.500.000	4.500.000

(b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	173.500.000	136.500.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ (Thuyết minh 14)	277.200.000	300.300.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ (Thuyết minh 14)	246.950.000	264.550.000
Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	15.800.000	20.907.050
Phí ngân hàng	8.526.368	6.051.931

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể quy định trong năm 2016 như sau:

Biểu phí dịch vụ Ngân hàng Giám sát, Lưu ký Tài sản Quỹ, và Quản trị Quỹ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát Quỹ	0,05% NAV/năm Mức phí giám sát tối thiểu là 21.000.000 VND mỗi tháng (chưa bao gồm VAT)
Lưu ký tài sản Quỹ	0,03% NAV/năm Mức phí lưu ký tối thiểu là 10.500.000 VND mỗi tháng
Quản trị Quỹ	0,04% NAV/năm Mức phí tối thiểu là 18.500.000 VND mỗi tháng (chưa bao gồm VAT)

Biểu phí dịch vụ Ngân hàng Giám sát, Lưu ký Tài sản Quỹ, và Quản trị Quỹ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát Quỹ	0,05% NAV/năm Mức phí giám sát tối thiểu là 21.000.000 VND mỗi tháng (chưa bao gồm VAT)
Lưu ký tài sản Quỹ	0,04% NAV/năm Mức phí lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng
Quản trị Quỹ	0,04% NAV/năm Mức phí tối thiểu là 19.000.000 VND mỗi tháng (chưa bao gồm VAT)

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

18. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	2016	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm/kỳ	2,03%	2,01%
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm/kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị hoán đổi trong năm/kỳ + tổng giá trị danh mục bán ra)/2*100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm/kỳ (*)	54,55%	43,65%

(*) Theo Thông tư 181, tỷ lệ này bao gồm cả giá trị hoán đổi trong kỳ. Do đó, số liệu so sánh cho giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 được điều chỉnh lại tương ứng.

19. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu và công cụ tài chính niêm yết. Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định. Ngân hàng Giám sát không tham gia bất cứ hoạt động nào trong toàn bộ quy trình này.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi ngân hàng của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ cổ tức. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền gửi ngân hàng nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền để kịp thời đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Dưới 1 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Chi phí phải trả	42.500.000	42.500.000	42.500.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	115.526.045	115.526.045	115.526.045
	158.026.045	158.026.045	158.026.045
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Chi phí phải trả	59.500.000	59.500.000	59.500.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	103.350.811	103.350.811	103.350.811
	162.850.811	162.850.811	162.850.811

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ được đánh giá là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 77.824.899.764 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 8% tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 6.225.991.981 VND.

20. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày định giá gần nhất so với ngày phát hành báo cáo (ngày 24 tháng 3 năm 2017), giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị chứng chỉ quỹ của Quỹ là 9.284,82 VND/CCQ, tăng 15,79% so với ngày kết thúc kỳ kế toán năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016).

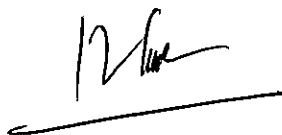
21. Số liệu so sánh

Các số dư so sánh kỳ trước là cho giai đoạn kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2014, ngày Quỹ được thành lập, đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ngoài ra, một số số liệu so sánh khác cũng được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

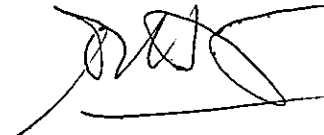
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015

	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 VND (phân loại lại)	Giai đoạn từ 10/12/2014 đến 31/12/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Khoản thu từ phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ ETF	9.035.108.816	(1.964.891.184)
Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ ETF	(8.995.816.090)	2.004.183.910
	<hr/>	<hr/>
	39.292.726	39.292.726

Người lập:


Bà Mai Huyền Ngọc
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:


Ông Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2017